

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-ST
Ngày 20 - 9 - 2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Vạn.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quốc Chương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, có trụ sở tại số 02 đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Địa chỉ: Số 02 đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tiết Văn T: Ông Nguyễn Phước H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố G Đắk Nông; Địa chỉ: Số 49 đường T, tổ dân phố 2, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (Văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019);

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Nguyễn Phước H: Ông Y - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố Gia Nghĩa Đắk Nông; Địa chỉ: Số 49 đường T, tổ dân phố 2, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (Văn bản ủy quyền số 502/NHNoĐNo-GN ngày 24/4/2020); Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lăng Thị Ngọc L, sinh năm 1968; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Nơi tạm trú: Tổ dân phố 1, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Lăng Thị Ngọc L vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố G Đắk Nông theo các hợp đồng tín dụng được ký kết cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số: 5307-LAV-201100696 ngày 20/09/2011: Số tiền cho vay: 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Lãi suất trong hạn: 23%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Điều chỉnh lãi suất cho vay xuống 15%/năm kể từ ngày 15/07/2012 đến hết ngày 31/12/2012. Điều chỉnh lãi suất cho vay xuống 13%/năm kể từ ngày 29/11/2013. Phương thức trả lãi: 03 tháng/lần. Ngày kết thúc hợp đồng: Ngày 19/09/2013. Phân kỳ trả gốc: 02 kỳ: Ngày 19/09/2012 trả 500.000.000 đồng. Ngày 19/09/2013 trả 500.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Chăm sóc cao su KTCB năm thứ 7 và kèm theo Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 15/07/2012.

Ngày 21/06/2012, bà Lăng Thị Ngọc L tiếp tục vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố G Đắk Nông theo hợp đồng tín dụng số: 5307-LAV-201200439 đã được ký kết, cụ thể: Số tiền cho vay: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); Lãi suất trong hạn: 15,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Điều chỉnh lãi suất cho vay xuống 15%/năm kể từ ngày 15/07/2012. Điều chỉnh lãi suất cho vay xuống 13%/năm kể từ ngày 29/11/2013. Phương thức trả lãi: 03 tháng/lần. Ngày kết thúc hợp đồng: Ngày 20/09/2013. Phân kỳ trả gốc: 01 kỳ: Ngày 20/09/2013 trả 200.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Mua bổ sung thêm công cụ, dụng cụ khai thác 8 ha mủ cao su, kèm theo Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 15/07/2012 và Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 28/11/2013.

Biện pháp bảo đảm tiền vay: Nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng số: 5307LAV201100696 và hợp đồng tín dụng số: 5307-LAV-201200439 được bảo đảm bằng tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 8077/TC ngày 19/09/2011, tài sản thế chấp gồm: Thửa đất số 135, 136, tờ bản đồ số: Trích đo, diện tích là 47.234m², địa chỉ: Xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 932169 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 15/09/2011 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số: Trích đo, diện tích là 30.061m², địa chỉ: Xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 932170 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 15/09/2011 mang tên bà Lăng Thị Ngọc L và các tài sản gắn liền với đất.

Các tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay trên đã được bán đấu giá để thu hồi một phần nợ gốc của bà L, hiện tại bà L không còn tài sản thế chấp tại Ngân hàng.

Về xử lý tiền bán đấu giá tài sản thế chấp ngày 17/5/2015: Số tiền bán đấu giá

tài sản được là 1.180.000.000 đồng (một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng). Số tiền bán đấu giá tài sản được xử lý như sau:

- Trả nợ cho hợp đồng tín dụng số: 5307LAV201100439 số tiền là 156.400.000 đồng. Trong đó: Trả cho số tiền gốc là: 156.400.000 đồng; số tiền lãi là: 0 đồng.

- Trả nợ cho hợp đồng tín dụng số: 5307LAV201100696 số tiền là 971.299.000 đồng. Trong đó: Trả cho số tiền gốc là: 971.299.000 đồng; số tiền lãi là: 0 đồng.

- Chi phí thanh toán cho Công ty Cổ phần dịch vụ Đấu giá Trung Nam là 23.201.000 đồng.

- Chi phí thẩm định giá thanh toán cho Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE là 5.500.000 đồng.

- Nộp thuế thu nhập cá nhân là 23.600.000 đồng.

Việc vi phạm nghĩa vụ: Tính đến hết ngày 20/9/2021, tổng dư nợ của bà Lăng Thị Ngọc L tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 830.888.226đồng, trong đó: Nợ gốc: 72.301.000 đồng; Nợ lãi: 758.587.226 đồng, cụ thể như sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng số: 5307LAV201100696 ngày 20/09/2011:

Nợ gốc: 28.701.000 đồng;

Nợ lãi: 599.110.495 đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng số: 5307-LAV-201200439 ngày 21/06/2012:

Nợ gốc: 43.600.000 đồng;

Nợ lãi: 159.476.767 đồng.

Quá thời hạn trả nợ (gốc và lãi) còn lại, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà Lăng Thị Ngọc L thanh toán nợ nhưng bà L vẫn không trả. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lăng Thị Ngọc L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam với tổng số tiền 830.888.226 đồng, trong đó: Nợ gốc là 72.301.000 đồng, nợ lãi (tính đến ngày 20/9/2021) là 758.587.226 đồng.

Kể từ ngày 21/9/2021, bà Lăng Thị Ngọc L phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số: 5307LAV201100696 ngày 20/09/2011 và số: 5307-LAV-201200439 ngày 21/06/2012 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Đối với bị đơn bà Lăng Thị Ngọc L, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà L để tham gia giải quyết vụ án nhưng bà L đều vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại Công an xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà L thì bà L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 3, ấp Đ, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai nhưng bà L đã bỏ đi khỏi địa phương và không khai báo, nên chính quyền không biết bà L đang ở đâu. Xác minh tại Công an phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông, nơi bà L có đăng ký tạm trú thì bà L đã hết

hạn đăng ký tạm trú từ năm 2012, bà L không gia hạn tạm trú nên hiện tại không biết bà L ở đâu, làm gì. Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà L nên đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để triệu tập bà L đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nhưng bà L đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Lăng Thị Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp L tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp L nhiều lần tham gia giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Về quan điểm yêu cầu giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 355; Điều 471; Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, buộc bà Lăng Thị Ngọc L phải trả cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc và nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng nêu trên với tổng số tiền là 830.888.226 đồng, trong đó: Nợ gốc là 72.301.000 đồng, tiền lãi (tính đến ngày 20/9/2021) là 758.587.226 đồng và tiền lãi suất phát sinh theo các hợp đồng tín dụng tính từ ngày 21/9/2021 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo các hợp đồng tín dụng được ký kết tại thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Bị đơn bà Lăng Thị Ngọc L có địa chỉ tạm trú tại tổ dân phố 1, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Lăng Thị Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp L tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do. Do đó, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

Xét nội dung, hình thức của hợp đồng tín dụng số: 5307-LAV-201100696 ngày 20/09/2011 và hợp đồng tín dụng số: 5307-LAV-201200439 ngày 21/06/2012 và các Phụ lục hợp đồng kèm theo được ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Việt Nam chi nhánh thành phố Gia Nghĩa Đắk Nông với bà Lăng Thị Ngọc L, thể hiện các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Để đảm bảo cho các khoản tiền vay trong các hợp đồng tín dụng trên, bà L đã ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 8077/TC ngày 19/09/2011, tài sản thế chấp gồm: Thửa đất số 135, 136, tờ bản đồ số: Trích đo, diện tích là 47.234m², địa chỉ: Xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 932169 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 15/09/2011 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số: Trích đo, diện tích là 30.061m², địa chỉ: Xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 932170 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 15/09/2011 mang tên bà Lăng Thị Ngọc L và các tài sản gắn liền với đất. Quá thời hạn trả nợ gốc và nợ lãi, bà L và Ngân hàng đã thỏa thuận xử lý tài sản bảo đảm tiến hành bán đấu giá để Ngân hàng thu hồi một phần nợ gốc của bà L theo như cam kết trong các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà L và Ngân hàng, phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 336, 338, 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Sau khi trừ đi số tiền nợ gốc của hai hợp đồng tín dụng nêu trên và các chi phí phát sinh liên quan đến bán đấu giá tài sản, tính đến ngày 20/9/2021 bà L còn nợ của Ngân hàng số tiền gốc là 72.301.000 đồng và tiền lãi là 758.587.226 đồng. Hiện nay bà L không còn tài sản thế chấp tại Ngân hàng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định trong các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, nên có cơ sở để xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận. Buộc bà Lăng Thị Ngọc L phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam toàn bộ nợ gốc và nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng nêu trên với tổng số tiền là 830.888.226 đồng, trong đó: Nợ gốc là 72.301.000 đồng, tiền lãi (tính đến ngày 20/9/2021) là 758.587.226 đồng và tiền lãi suất phát sinh theo các hợp đồng tín dụng tính từ ngày 21/9/2021 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn bà Lăng Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 830.888.226 đồng là 36.000.000 đồng + 3% x 30.888.226 đồng = 36.927.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.538.500 đồng. Số tiền này nguyên đơn đã nộp, nên buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 336, 338, 355, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đối với bà Lăng Thị Ngọc L.

Buộc bà Lăng Thị Ngọc L phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền là 830.888.226đ (tám trăm ba mươi triệu tám trăm tám mươi tám nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 72.301.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 20/9/2021 là 758.587.226 đồng.

Kể từ ngày 21/9/2021, bà Lăng Thị Ngọc L phải tiếp tục chịu tiền lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số: 5307-LAV-201100696 ngày 20/09/2011 và hợp đồng tín dụng số: 5307-LAV-201200439 ngày 21/06/2012, các Phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng và các Phụ lục hợp đồng kèm theo các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì bà L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lăng Thị Ngọc L phải chịu số tiền 36.927.000đ (ba mươi sáu triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố G Đắc Nông số tiền 18.162.000đ (mười tám triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0002130 ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắc Nông.

3. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Buộc bà Lăng Thị Ngọc L phải hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố G Đắc Nông số tiền 4.538.500đ (bốn triệu năm trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng) chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắc Nông;
- VKSND tỉnh Đắc Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký, đóng dấu

Lê Xuân Diệu

